

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT AN THỊNH PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT AN THỊNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN THINH PHAT MANUFACTURING AND TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110478409

3. Ngày thành lập: 18/09/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà E Lô 11 – C47 Khu đô thị Geleximco Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972531157

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động, môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
7.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt gia súc, gia cầm tươi, đông lạnh, sơ chế; - Bán buôn các sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, nội tạng dạng thịt từ gia súc, gia cầm; - Bán buôn thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến như cá, động vật giáp xác (tôm, cua...), động vật thân mềm (mực, bạch tuộc...), động vật không xương sống khác sống dưới nước. (trừ các loại nhà nước cấm)	4632
8.	Bán buôn đồ uống (Trừ đồ uống có cồn)	4633
9.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn được phẩm)	4649
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ loại Nhà nước cấm)	4652
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ loại Nhà nước cấm)	4659
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng)	4662
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
18.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ Chi tiết: Hoạt động tổ chức và phục vụ đám cưới, đám hỏi...	9633
19.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ kiến trúc - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng	7110
20.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất. (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)	7410
21.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
22.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
23.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
24.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn Chi tiết: - Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt; - Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản; - Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác.	1075
25.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

26.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.	4932
27.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
28.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
29.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
30.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
32.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không)	5229
34.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
35.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610(Chính)
36.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới, các công việc gia đình khác....	5621
37.	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ cung cấp suất ăn hàng không)	5629
38.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
39.	Đại lý du lịch	7911
40.	Điều hành tua du lịch	7912
41.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: - Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao; - Cung cấp dịch vụ chia sẻ thời gian nghỉ dưỡng; - Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác; - Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch; - Hoạt động xúc tiến du lịch. (trừ tổ chức họp báo)	7990

42.	Xây dựng nhà để ở	4101
43.	Xây dựng nhà không để ở	4102
44.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
45.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
46.	Xây dựng công trình điện	4221
47.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
48.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
49.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
50.	Phá dỡ (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
51.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
52.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
53.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
54.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
55.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
57.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ VĂN MINH	Việt Nam	Nhà E Lô 11 – C47 Khu đô thị Geleximco Lê Trọng Tấn, Tổ dân phố Trung Kiên, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	50,000	034081000865	

2	NGUYỄN HỮU NAM	Việt Nam	Số 5/324/35 Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	50,000	001076068740	
---	-------------------	-------------	---	-------------	--------	--------------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ VĂN MINH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *12/03/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *034081000865*

Ngày cấp: *24/04/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Nhà E Lô 11 – C47 Khu đô thị Geleximco Lê Trọng Tấn, Tổ dân phố Trung Kiên, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Nhà E Lô 11 – C47 Khu đô thị Geleximco Lê Trọng Tấn, Tổ dân phố Trung Kiên, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**